Thứ Hai, Ngày 30 Tháng 1 Năm 2023

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

**Xu hướng thị trường:**

***"Lùi bước"***

▶ Thị trường chứng khoán giảm trong phiên hôm nay. Đa số cổ phiếu giao dịch trong sắc đỏ, thanh khoản ở mức cao. Ngân hàng là ngành có giao dịch tiêu cực nhất trong phiên hôm nay với 18 mã giảm trên tổng 20 mã.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 14.53 điểm (-1.30%), đạt 1,102.57 điểm; HNX-Index tăng 0.02 điểm (+0.01%), đạt 220.78 điểm. Thanh khoản toàn thị trường đạt 13.62 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 798.67 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại mua ròng 745.81 tỷ đồng, tập trung ở HPG.

▶ HPG (+1.16%), HDB (+3.11%), BWE (+6.26%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, VCB (-3.33%), VHM (-3.38%), VIC (-2.53%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm trong phiên giao dịch hôm nay. Dầu khí, Du lịch và giải trí, Ngân hàng là 3 nhóm ngành giảm mạnh nhất: PLX, VJC, ACB.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: Chỉ số đã lùi bước sau chuỗi ngày đi lên không ngừng nghỉ. Áp lực chốt lời chiếm ưu thế trong phiên đẩy thị trường đóng cửa trong sắc đỏ tạo mẫu hình nến marubozu. Khớp lệnh phiên nay trên mức bình quân 20 phiên và cao hơn các phiên trước đó cho thấy lực bán chủ động. Nhìn chung tín hiệu điều chỉnh không quá bất ngờ khi chỉ báo sức mạnh RSI đã tiến vào vùng quá mua và được cập nhật trong các bản tin trước. Nhiều khả năng chỉ số có thể lùi về kiểm định lại ngưỡng tâm lý 1,100 điểm và dao động sẽ nghiêng về rung lắc.




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,103 | -1.3 | 9.5 | -25.4 | 11.9 | 1.8 | 4,458,262 |
| VN30 Index | 1,114 | -1.5 | 10.8 | -27.3 | 9.7 | 1.8 | 3,196,221 |
| VN Midcap | 1,400 | -0.7 | 7.0 | -30.8 | 9.6 | 1.3 | 746,955 |
| VN Smallcap | 1,157 | 0.6 | 8.7 | -37.5 | 10.2 | 0.9 | 235,233 |
| HNX Index | 221 | 0.0 | 7.5 | -47.0 | 15.1 | 1.2 | 256,073 |
| UpCom | 75 | 0.6 | 5.2 | -31.3 | 11.9 | 1.3 | 1,010,156 |

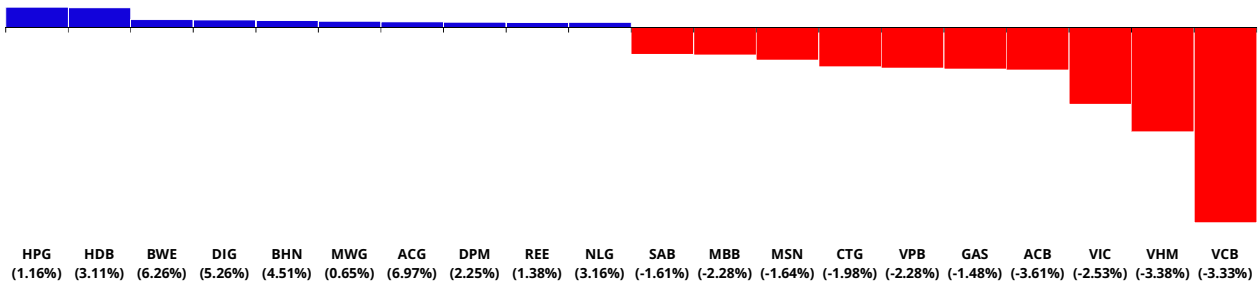
**Nhóm ngành**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | 0.5 | 8.1 | 8.1 | 0.7 | 13.7 | 3.0 | 90,666 |
| Bảo hiểm | -0.6 | 8.1 | 8.1 | -8.4 | 16.0 | 1.7 | 49,153 |
| Bất động sản | -1.7 | 6.9 | 6.9 | -42.8 | 18.1 | 1.7 | 799,593 |
| CNTT | -0.3 | 8.5 | 8.5 | 6.5 | 17.1 | 3.5 | 104,562 |
| Dầu khí | -2.5 | 16.5 | 16.5 | -30.5 | 20.6 | 2.3 | 58,499 |
| Dịch vụ tài chính | 0.1 | 17.3 | 17.3 | -37.5 | 13.3 | 1.2 | 110,118 |
| Tiện ích | -0.8 | 5.8 | 5.8 | -10.8 | 16.6 | 2.3 | 320,751 |
| Du lịch và Giải trí | -2.5 | 1.9 | 1.9 | -22.1 | n.a | 8.5 | 103,771 |
| Hàng & DV CN | 0.3 | 5.0 | 5.0 | -13.7 | 11.4 | 1.7 | 119,925 |
| Hàng CN & Gia dụng | -1.3 | 4.4 | 4.4 | -2.3 | 14.5 | 2.1 | 54,120 |
| Hóa chất | -0.7 | 10.1 | 10.1 | -33.7 | 7.2 | 1.4 | 144,098 |
| Ngân hàng | -2.0 | 11.3 | 11.3 | -19.7 | 10.7 | 1.9 | 1,623,062 |
| Ô tô và phụ tùng | 0.4 | 5.5 | 5.5 | -36.6 | 12.8 | 0.9 | 18,904 |
| Tài nguyên Cơ bản | 1.2 | 20.1 | 20.1 | -35.9 | 4.4 | 1.2 | 168,256 |
| Th.phẩm & Đồ uống | -1.0 | 7.8 | 7.8 | -5.3 | 21.5 | 3.4 | 536,113 |
| Truyền thông | 3.1 | 17.3 | 17.3 | -40.2 | 24.8 | 0.8 | 1,034 |
| Xây dựng và Vật liệu | -0.5 | 16.8 | 16.8 | -36.3 | 14.3 | 1.1 | 91,530 |
| Y tế | 0.4 | 4.8 | 4.8 | -10.8 | 13.7 | 2.0 | 31,948 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 102 | 0.0 | -0.2 | -1.5 | -8.0 | -1.5 | 4.8 |
| USD/JPY | 130 | 0.2 | -0.4 | -0.8 | -12.5 | -0.8 | 13.0 |
| USD/CNY | 7 | -0.3 | -0.3 | -2.0 | -7.4 | -2.0 | 6.3 |
| KRW/USD | 1,229 | -0.2 | -0.5 | -2.8 | -13.7 | -2.8 | 2.0 |
| EUR/USD | 1 | -0.2 | -0.1 | -1.7 | -9.2 | -1.7 | 3.2 |
| USD/VND | 23,454 | 0.0 | 0.0 | -0.8 | -5.6 | -0.8 | 3.5 |
| Dầu Thô | 79 | -0.8 | -3.1 | -1.5 | -10.0 | -1.5 | -8.9 |
| Xăng | 237 | -8.4 | -12.1 | -3.6 | -18.4 | -3.6 | -6.7 |
| Khí đốt | 3 | -6.1 | -22.4 | -40.2 | -52.9 | -40.2 | -42.3 |
| Than | 266 | 0.0 | -24.1 | -33.5 | -31.0 | -34.1 | 17.0 |
| Vàng | 1,924 | -0.2 | -0.4 | 5.5 | 17.8 | 5.5 | 7.0 |
| Thép cuộn | 4,195 | 0.0 | -0.1 | 2.5 | 8.1 | 1.2 | -13.9 |

**Đóng góp vào VN Index**





Mở tài khoản

**[ Chuyên viên phân tích ]**
**Khang Trần**
(84-28) 6299 - 8037
khang.lt@shinhan.com

**Mỹ Mỹ**
(84-28) 6299 - 7276
my.vm@shinhan.com


Shinhan Securities

# Điểm tin thị trường

## Tin tức doanh nghiệp

**1) BWE – Tiện ích:** Biwase báo cáo doanh thu tài chính quý 4/2022 giảm 35% xuống còn 22 tỷ đồng trong khi chi phí tài chính lại tăng gấp 7 lần lên 35 tỷ đồng. Sau khi trừ các chi phí hoạt động, Biwase lãi trước thuế 199 tỷ đồng, giảm 30% so với cùng kỳ. Lợi nhuận ròng thu về hơn 170 tỷ đồng, cũng giảm 30% so với kết quả quý 4/2021 và là mức thấp nhất trong vòng 5 quý.

**2) VGC – Nguyên vật liệu:** Theo BCTC hợp nhất quý IV/2022 của Tổng Công ty Viglacera lợi nhuận sau thuế đạt 222 tỷ đồng trong quý IV/2022, giảm 50% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ khoảng 180 tỷ đồng, giảm 56% so với quý IV/2021. Song cả năm 2022, với 2,321 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, công ty vượt 37% chỉ tiêu lợi nhuận và hoàn thành 97% kế hoạch doanh thu.

**3) PDR – Bất động sản:** CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt đã công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2022 với doanh thu thuần gần 15 tỷ đồng, giảm 99% so với 1,229 tỷ đồng ở cùng kỳ năm trước. Doanh thu này đến từ hoạt động cung cấp dịch vụ, còn các hoạt động chuyển nhượng đất và hàng hoá bất động sản không tạo ra doanh thu trong kỳ.

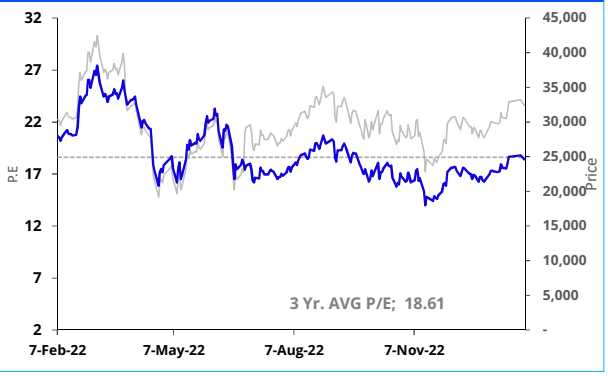
**4) HPG – Sản xuất:** Quý 4/2022, Tập đoàn Hòa Phát đạt doanh thu 26,000 tỷ đồng, giảm 42% so với cùng kỳ năm trước, lỗ ròng kỷ lục hơn 2,000 tỷ đồng, tiếp tục giảm sau quý 3 vừa ghi nhận lỗ hơn 1,700 tỷ. Lũy kế cả năm 2022, Hòa Phát đạt doanh thu 142,000 tỷ đồng, giảm 5% so 2021. Lợi nhuận sau thuế cả năm đạt hơn 8,400 tỷ đồng, chỉ bằng 24% so với năm 2021.

**5) DGC – Hóa chất:** Quý 4/2022, ông lớn hóa chất đạt doanh thu hơn 3.1 ngàn tỷ đồng, lãi gộp gần 1.3 ngàn tỷ đồng, đi lùi lần lượt 10% và 20% so với cùng kỳ. Doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh lên hơn 197 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ. Chi phí tài chính cũng bật tăng lên 75.3 tỷ đồng, gấp 2.8 lần cùng kỳ. Các mảng chi phí khác bật tăng nhẹ. Kết quả, DGC lãi ròng hơn 1.1 ngàn tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ 21%. Lũy kế cả năm doanh thu đạt hơn 14.4 ngàn tỷ đồng, tăng 51%; lãi ròng 6 ,040 tỷ đồng, gấp 2.4 lần năm trước. Với kết quả này, Công ty đã vượt kế hoạch cả năm đề ra tại ĐHĐCĐ 2022, lần lượt hơn 19% và gần 73%.

## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

**Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – PVS**

**PVS – Dầu khí:** Báo cáo tài chính quý 4/2022 của PVS cho thấy doanh thu thuần đạt 5,331 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm ngoái. Biên lãi gộp được cải thiện từ 5.3% quý cùng kỳ lên 6.1%. Bên cạnh doanh thu từ hoạt động tài chính mà chủ yếu là lãi tiền gửi và tiền cho vay, PVS còn ghi nhận thêm lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết hơn 134 tỷ đồng, gấp nhiều lần con số 651 triệu đồng cùng kỳ. Kết quả quý 4, PVS lãi sau thuế hơn 325 tỷ đồng, tăng 86% so với cùng kỳ và cao nhất kể từ quý 2/2019.
Lũy kế năm 2022, doanh thu thuần của PVS đạt 16,412 tỷ, lợi nhuận sau thuế 834 tỷ, lần lượt tăng 15% và 11% so với năm 2021. Với kết quả này, PVS đã vượt 64% chỉ tiêu doanh thu và vượt 71% mục tiêu lợi nhuận năm 2022.



# Xu hướng dòng tiền

## Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 1/29/2023 | 1/30/2023 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Truyền thông | 220.1 | 1 | 1 | 0 | |
| 2 | Y tế | 209.9 | 11 | 18 | 6 | |
| 3 | Ô tô và phụ tùng | 205.9 | 74 | 116 | 38 | |
| 4 | Xây dựng và Vật liệu | 194.0 | 744 | 1,063 | 361 | |
| 5 | Tài nguyên Cơ bản | 193.2 | 1,126 | 1,596 | 544 | |
| 6 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 191.3 | 443 | 618 | 212 | |
| 7 | Hóa chất | 187.3 | 370 | 500 | 174 | |
| 8 | Bất động sản | 176.5 | 1,533 | 1,898 | 686 | |
| 9 | Ngân hàng | 167.3 | 2,430 | 2,791 | 1,044 | |
| 10 | Bán lẻ | 163.9 | 312 | 349 | 132 | |
| 11 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 161.1 | 236 | 258 | 99 | |
| 12 | Thực phẩm và đồ uống | 159.1 | 877 | 944 | 364 | |
| 13 | Dịch vụ tài chính | 155.0 | 1,526 | 1,589 | 623 | |
| 14 | Dầu khí | 152.0 | 99 | 101 | 40 | |
| 15 | Du lịch và Giải trí | 131.2 | 110 | 94 | 41 | |
| 16 | Bảo hiểm | 124.4 | 68 | 55 | 25 | |
| 17 | Công nghệ Thông tin | 122.3 | 119 | 95 | 43 | |

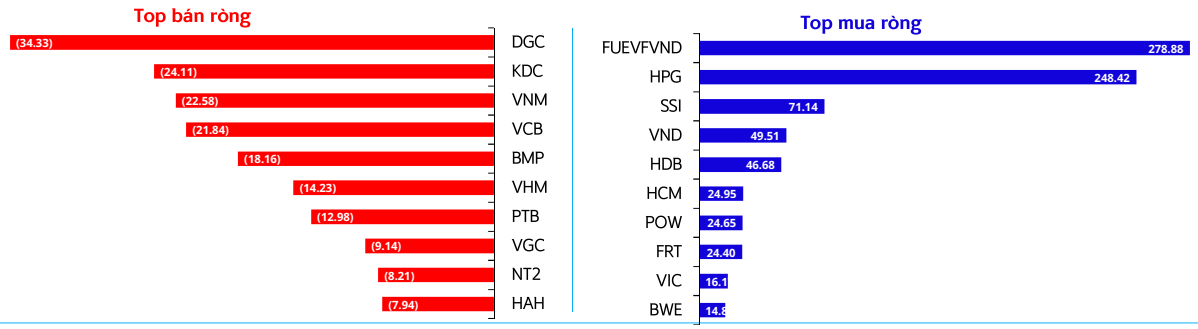
## Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (VND tỷ) | Xu hướng |
| STB | Sacombank | Ngân hàng | 26,650 | 0.0 | 4.5 | 18.4 | 68 | 485.0 | |
| DIG | DIC Corp | Bất động sản | 16,150 | 0.0 | 8.4 | 12.9 | 97 | 301.4 | |
| VCI | Chứng khoán Bản Việt | Dịch vụ tài chính | 29,550 | 0.0 | 5.0 | 27.1 | 105 | 262.2 | |
| HPG | Hòa Phát | Tài nguyên Cơ bản | 21,500 | 0.0 | 6.2 | 19.4 | 17 | 929.5 | |
| DXG | Địa ốc Đất Xanh | Bất động sản | 14,100 | 0.0 | 9.7 | 10.6 | 125 | 237.7 | |
| VCG | VINACONEX | Xây dựng và Vật liệu | 21,600 | 0.0 | 7.5 | 25.2 | 66 | 291.9 | |
| GEX | Tập đoàn Gelex | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 14,700 | 0.0 | 8.1 | 18.5 | 61 | 280.4 | |
| SHB | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | Ngân hàng | 11,200 | 0.0 | 4.7 | 12.6 | 33 | 320.5 | |
| DBC | Tập đoàn DABACO | Thực phẩm và đồ uống | 17,100 | 0.0 | 10.3 | 21.3 | 78 | 176.6 | |
| VPB | VPBank | Ngân hàng | 19,700 | 0.0 | 1.5 | 10.1 | 15 | 464.4 | |
| LPB | LienViet Post Bank | Ngân hàng | 15,000 | 0.0 | 2.4 | 14.5 | 39 | 203.4 | |
| HDC | Phát triển Nhà BR-VT | Bất động sản | 31,200 | 0.0 | 4.7 | 8.0 | 231 | 76.4 | |
| REE | Cơ Điện Lạnh REE | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 72,500 | 0.0 | 2.3 | 1.4 | 176 | 82.1 | |
| POW | Điện lực Dầu khí Việt Nam | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 12,200 | 0.0 | 3.0 | 14.6 | 54 | 138.9 | |
| FCN | FECON CORP | Xây dựng và Vật liệu | 11,700 | 0.0 | 5.4 | 24.5 | 152 | 80.6 | |

## Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
| LSS | Mía đường Lam Sơn | Thực phẩm và đồ uống | 6,540.0 | 0.0 | 6.7 | 2.3 | 8.8 | 6.99 | |
| ADS | Dệt sợi DAMSAN | Hàng cá nhân & Gia dụng | 10,100.0 | 0.0 | 1.2 | 7.3 | 4.8 | 10.65 | |
| PLP | SX và CN Nhựa Pha Lê | Hóa chất | 4,480.0 | 0.0 | 6.7 | 9.3 | 9.4 | 4.79 | |
| HII | An Tiến Industries | Hóa chất | 4,280.0 | 0.0 | 6.5 | 3.6 | 7.6 | 4.57 | |
| TLD | ĐT XD và PT Đô thị Thăng Long | Bất động sản | 3,290.0 | 0.0 | 5.1 | 11.9 | 8.0 | 3.52 | |
| PTC | Xây lắp Bưu Điện PTIC | Xây dựng và Vật liệu | 5,490.0 | 0.0 | 7.4 | 4.0 | 4.7 | 5.68 | |
| JVC | Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật | Y tế | 3,200.0 | 0.0 | 6.7 | 4.9 | 7.7 | 3.42 | |
| HAR | BĐS An Dương Thảo Điền | Bất động sản | 4,000.0 | 0.0 | 4.7 | 14.3 | 4.0 | 4.16 | |
| AGM | XNK An Giang | Thực phẩm và đồ uống | 7,070.0 | 0.0 | 2.0 | -26.3 | 0.9 | 6.98 | |
| NO1 | Tập đoàn 911 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 8,970.0 | 0.0 | 0.1 | -0.3 | 0.3 | 9.00 | |

## Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)






Shinhan Securities

## SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần)